

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2023/DS-PT.

Ngày: 11 - 5 - 2023.

V/v: “Tranh chấp thừa kế
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thanh Ngân.

Các Thẩm phán: Ông Võ Hoàng Khải.

Bà Trịnh Thị Bích Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tăng Thị Như Ý - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà Dương Thanh Giềng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 08 và 11 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2023/TLPT-DS ngày 16 tháng 02 năm 2023, về “Tranh chấp thừa kế tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 39/2022/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 55/2023/QĐ-PT ngày 05 tháng 4 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 42/2023/QĐ-PT ngày 24 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ T, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: Ông Võ C, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Ấp A, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

4. Người kháng cáo: Bị đơn ông Võ C.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn bà Võ Thị Thuý trình bày: Cha tôi Võ Tsinh năm 1913, chết ngày 17/11/2011, mẹ Lê S, sinh năm 1935, chết 29/01/2013, cha mẹ chết không để lại di chúc. Về nguồn gốc phần đất tranh chấp là do ông Võ Tvà bà Lê S tạo lập. Ông Tvà bà S có 09 người con: K, K1, L, D, Võ C, Võ T (đối với k3, H, M) đã chết từ nhỏ, không có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng). Cha mẹ chết để lại tài sản là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000134 ngày 25/5/1996 cấp cho ông Võ Tvà căn nhà gắn liền trên đất, do ông Võ C hiện đang quản lý, sử dụng. Ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên, cha mẹ tôi còn có một phần đất do chuyển nhượng của ông Ông TH ở ấp A, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang, nhưng chưa làm giấy tờ, phần đất này, hiện tại ông Võ C đang quản lý sử dụng, tôi không tranh chấp. Trước khi cha mẹ chết có cho các chị em các phần đất riêng, riêng tôi chưa được cho phần đất nào, khi cha mẹ còn sống có hứa cho tôi 03 công đất ruộng tầm 3m. Tuy nhiên, không có giấy tờ gì, nay cha mẹ đã chết tôi yêu cầu được chia thừa kế theo pháp luật đối với thửa đất số 626, tờ bản đồ số 2, diện tích 5860 m loại đất 2, thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000134 ngày 25/5/1996 cấp cho ông Võ Văn Tư. Tôi chỉ yêu cầu được chia một phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế có ký hiệu (I) là 3.900,2m loại đất LUC, thuộc thửa 626, đối với các tài sản còn lại tôi không có yêu cầu. Tại phiên tòa, bà Ttrình bày: Khi còn sống cha tôi có cổ đất của ông Bùi Văn Vui, cho tôi sử dụng, sổ vàng cổ đất là vàng của tôi, sau khi cha tôi chết, ông Bùi Văn Vui ngang nhiên bán phần đất này cho ông Võ C và trừ căn trên sổ vàng tôi đã bỏ ra cổ đất của ông Vui, sổ vàng cổ đất ông C và ông Vui không trả lại cho tôi, trong vụ án này tôi chỉ khởi kiện tranh chấp với ông C về thửa đất 626, đối với tranh chấp hợp đồng cầm cố với ông Vui và ông C tôi sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

Bị đơn ông Võ C trình bày: Về quan hệ nhân thân như phía nguyên đơn trình bày là tôi thống nhất. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế theo quy định pháp luật và yêu cầu được nhận 3.900,2m đất ruộng tại thửa đất số 626, tờ bản đồ số 2, diện tích 5860 m loại đất 2L, thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000134 ngày 25/5/1996 cấp cho ông Võ T thì tôi không đồng ý. Bởi vì tài sản cha mẹ để lại ai cũng được chia phần đất riêng, riêng bà Tđã được cho 08 chỉ vàng tương đương với 08 công đất vào thời điểm bà T đi lấy chồng, nhưng bà Tkhông mua đất. Sinh thời cha mẹ không có hứa cho bà Tphần đất nào.

Cha Võ T chết ngày 17/11/2011, mẹ Lê S chết 29/01/2013, cha chết không có để lại di chúc, chỉ có giấy ủy quyền để vay tiền ngân hàng lập ngày 16/4/2002, mẹ chết có để lại di chúc lập ngày 08/5/2012, mẹ đã định đoạt giao toàn bộ tài sản cho tôi. Trước khi cha mẹ chết có cho các chị em các phần đất riêng. Bà U (trước đây tôi trình bày tên Võ S là không đúng, mà là chị thứ sáu tên U có tên gọi khác là D) đã được cho một phần đất ngoài phần đất đang tranh chấp. Chị Võ Kcũng đã được cho phần riêng ngoài phần đất tranh chấp.

Trước khi chết cha mẹ tôi có cho ông L 02 cái nương, 02 cái liếp, diện tích khoảng 1000m² nhưng hiện tại ông L chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Còn cho ông K1 được cho 02 cái bờ xuôi và 02 cái nương diện tích khoảng 01 công (1000m²) cũng chưa được tách thửa, hiện tại ông Khen, bà K đã chết, những người còn lại trong gia đình ông Khen, bà K tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất này tôi không tranh chấp.

Ngoài ra cha mẹ chết còn để lại 01 căn nhà gắn liền trên đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000134 ngày 25/5/1996 cấp cho ông Võ T và một phần đất khác chuyển nhượng của ông Ông TH, ở ấp A, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang, nhưng chưa làm giấy tờ thì cha mẹ mất. hi mẹ có làm di chúc cho tôi phần đất này, hiện tại đang làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Lúc cha mẹ còn sống thì vợ chồng tôi (vợ chồng) trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, khi cha mẹ bệnh thì anh em cùng nhau thay phiên chăm sóc, chi phí chăm sóc nuôi dưỡng, mai táng phí là do tôi là người trực tiếp bỏ ra, sau khi cha mẹ chết không có nợ ai. Trước khi cha mẹ chết thì phần đất đang tranh chấp là do tôi quản lý và sau khi cha mẹ chết tôi tiếp tục quản lý và sử dụng cho đến nay.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông L trình bày ý kiến: Ông L thống nhất với phần trình bày của nguyên đơn, bị đơn về nhân thân và phần tài sản cha mẹ chết để lại. Lúc cha mẹ còn sống cha tôi có hứa cho bà Võ T một phần đất ruộng 03 công tầm lớn, nhưng chỉ hứa miệng, không có làm giấy tờ gì. Cha mẹ chết không có để lại di chúc, nếu như ông được chia thừa kế theo pháp luật, ông nhường phần quyền thừa kế cho Võ T, tôi không tranh chấp về sau. Tôi yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt tôi trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà U trình bày: Bà U thống nhất với phần trình bày của nguyên đơn, bị đơn về nhân thân và phần tài sản cha mẹ chết để lại. Lúc cha mẹ còn sống cha tôi có hứa cho em tôi Võ T một phần đất ruộng

03 công tâm lớn, nhưng chỉ hứa miệng, không có làm giấy tờ gì. Cha mẹ chết không có để lại di chúc, nếu như tôi được chia thừa kế theo pháp luật, tôi nhường phần quyền thừa kế của tôi cho em tôi tên Võ T, tôi không tranh chấp về sau. Tôi yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt tôi trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Võ K(chết) người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Võ K trình bày ý kiến: Thống nhất với phần trình bày của nguyên đơn bà Võ T. Nếu bà K được chia thừa kế theo pháp luật, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà K thống nhất nhường phần quyền thừa kế của mình cho bà Võ T, không tranh chấp về sau và có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà K1(chết) người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông K1 trình bày ý kiến: Thống nhất với phần trình bày của nguyên đơn bà Võ T. Nếu ông K1 được chia thừa kế theo pháp luật, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông K1 thống nhất nhường phần quyền thừa kế của mình cho bà Võ T, không tranh chấp về sau và có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 39/2022/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hậu Giang. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ T về việc yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật.

Xác định quyền sử dụng đất số 000134 ngày 25/5/1996 cấp cho ông Võ Văn Tư, tọa lạc tại ấp A, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang là di sản thừa kế của ông Võ T và bà Lê S (X).

Xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Võ T và bà Lê S gồm: Ông L; bà U; ông Võ C; bà Võ T; bà Võ K (chết), người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Võ K, người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của ông K1.

Công nhận cho bà Võ T phần đất tranh chấp ký hiệu số (I) diện tích 3.900,2m² (trong đó có 215,1 m thuộc hành lang bảo vệ an toàn Kênh Thủy Lợi) loại đất LUC, thuộc thửa 626 (ST1308) thể hiện tại Mảnh trích đo địa chính số 30/SHC ngày 05/7/2022 của Công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc tài nguyên & môi trường Sông Hậu (có mảnh trích đo địa chính kèm theo). Bà Võ T có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/10/2022, ông Võ C có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm. Nội dung: Yêu cầu cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, công nhận cho ông được tiếp tục sử dụng phần đất tại thửa 626 có diện tích 3.900,2m².

Tại phiên tòa phúc thẩm đương sự trình bày:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đồng ý với bản án sơ thẩm, không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng, từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự đã tiến hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét nội dung kháng cáo của ông Võ C, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1.1] Về nguồn gốc phần đất tranh chấp các đương sự thống nhất của ông Võ T và bà Lê S tạo lập. Ông T (chết năm 2011) và bà S (chết 2013) để lại phần đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000134 ngày 25/5/1996 cấp cho ông Võ T gồm các thửa đất: 626, 960, 961, 876, 762, tổng diện tích 15.692m² tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp A, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

[1.2] Xét về nội dung kháng cáo của bị đơn ông Võ C: Yêu cầu công nhận Tờ di chúc của bà Lê X lập ngày 08/5/2012, nhưng ông C chỉ cung cấp bản photo có chữ ký ông Lê V và ông Nguyễn C. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông C có cung cấp bản chính để đối chiếu và xin nhận lại bản gốc, không đồng ý phân chia di sản thừa kế theo yêu cầu của nguyên đơn. Cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá nhận định tính hợp pháp của di chúc là không có căn cứ và giải quyết phân chia di sản thừa kế theo pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn kháng cáo cũng không có chứng cứ gì khác để chứng minh, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Võ C.

[1.3] Xét thấy, Tờ di chúc mang tên bà Lê S lập ngày 08/5/2012 do ông C cung cấp không hợp pháp, nên di sản của ông T và bà S để lại được phân chia di sản thừa kế theo pháp luật.

Xét đơn khởi kiện của bà Võ T xác định chỉ yêu cầu được hưởng di sản thừa kế một phần tại đối với thửa đất 626 với diện tích theo đo đạc thực tế có ký hiệu (I) là 3.900,2m² loại đất LUC, thể hiện tại Mảnh trích đo địa chính số 30/SHC ngày 05/7/2022 của Công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc & tài nguyên môi trường Sông Hậu, đối với các thửa đất 960, 961, 876, 762 còn lại bà T không có yêu cầu nên không xem xét. Căn cứ theo quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự thì yêu cầu của nguyên đơn bà Võ T phù hợp, không vi phạm quyền tự định đoạt khởi kiện của nguyên đơn. Nên Tòa án sơ thẩm xem xét trong phạm vi yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp.

Hiện nay, ông C có vợ là bà Trần A đang chung sống và cùng quản lý, sử dụng phần đất tranh chấp nhưng cấp sơ thẩm không ghi nhận ý kiến của bà A. Tại cấp phúc thẩm bà A đã có bản tự khai, không có yêu cầu trong vụ án và đồng ý giao quyền định đoạt cho ông C. Vấn đề này cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm. Cũng như, tại phần quyết định của bản án sơ thẩm công nhận phần di sản được hưởng cho bà T diện tích 3.900,2m² tại thửa 626 nhưng lại không công nhận phần di sản được hưởng cho ông C diện tích còn lại tại thửa 626 là chưa đảm bảo quyền lợi của ông C.

Xét thấy, phần đất tại thửa 626 theo kết quả đo đạc thực tế là 6.356,1m², được chia thành 07 phần, các đồng thừa kế được hưởng 1 phần ngang nhau, mỗi suất thừa kế là 936,58m², riêng ông C được hưởng 02 phần (trong đó có 01 phần thừa kế và 01 phần công sức đóng góp, bảo quản di sản). Trong vụ án này, ông L, bà U, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông K1 đều từ chối nhận di sản tại thửa 626 và nhường quyền thừa kế cho bà Võ T. Theo đó, bà T được hưởng gồm 05 phần: $05 \times 936,58\text{m}^2 = 4.682,9\text{m}^2$; ông C được hưởng gồm 02 phần: $02 \times 936,58\text{m}^2 = 1.873,16\text{m}^2$. Tuy nhiên, bà Thuý xác định chỉ yêu cầu được hưởng di sản thừa kế một phần tại đối với thửa đất 626 với diện tích theo đo đạc thực tế có ký hiệu (I) là 3.900,2m², đây là ý chí tự nguyện của đương sự phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận. Cho nên, ông C được hưởng di sản thừa kế phần diện tích còn lại tại thửa đất 626 là 2.455,9m².

[2] Về chi phí tố tụng (xem xét thẩm định tại chỗ): 5.300.000 đồng (Năm triệu ba trăm nghìn đồng). Bà Võ T tự nguyện chịu toàn bộ chi phí này và đã nộp xong.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

[4] Từ những cơ sở phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Hậu Giang, không chấp nhận kháng cáo của ông Võ C, sửa bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Các Điều 635, 656, 674, 675, 676 của Bộ luật dân sự 2005;

Điều 100, Điều 166, Điều 167, khoản 1 Điều 168; khoản 3 Điều 188, Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013.

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Võ C.

Sửa bản án bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ T về việc yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật.

[1] Xác định quyền sử dụng đất số 000134 ngày 25/5/1996 cấp cho ông Võ Văn Tư, tọa lạc tại ấp A, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang là di sản thừa kế của ông Võ T và bà Lê S (Xinh).

[2] Xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Võ T và bà Lê S gồm: Ông L; bà U; ông Võ C; bà Võ T; bà Võ K (chết), người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Võ K, ông K1 (chết), người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của ông K1.

[3] Công nhận cho bà Võ T phần đất tranh chấp ký hiệu số (I) diện tích 3.900,2m² (trong đó có 215,1m² thuộc hành lang bảo vệ an toàn Kênh Thủy Lợi) loại đất LUC, thuộc thửa 626 (ST1308) thể hiện tại Mảnh trích đo địa chính số 30/SHC ngày 05/7/2022 của Công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc tài nguyên & môi trường Sông Hậu (có mảnh trích đo địa chính kèm theo). Bà Võ T có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[4] Công nhận cho ông Võ C phần đất tranh chấp ký hiệu số (II) diện tích 2.455,9m² (trong đó có 216,6m² thuộc hành lang bảo vệ an toàn Kênh Thủy Lợi)

loại đất LUC, thuộc thửa 626 (ST1307) thể hiện tại Mảnh trích đo địa chính số 30/SHC ngày 05/7/2022 của Công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc tài nguyên & môi trường Sông Hậu (có mảnh trích đo địa chính kèm theo). Ông Võ C có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[5] Đối với phần đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000134 ngày 25/5/1996 cấp cho ông Võ Văn Tư, tại các thửa 960, 961, 876, 762 tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp A, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang các hàng thừa kế của ông Võ T và bà Lê S chưa yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật nên chưa xem xét.

[6] Về chi phí tố tụng: Bà Võ T tự nguyện chịu số tiền 5.300.000 đồng (năm triệu ba trăm nghìn đồng), đã nộp xong.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[7.1] Bà Võ T phải chịu 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng). Bà Võ T được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp: 3.900.000 đồng (Ba triệu chín trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002527 ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V, bà T phải nộp thêm số tiền 11.100.000 đồng (Mười một triệu một trăm nghìn đồng).

[7.2] Ông Võ C phải chịu 9.500.000 đồng (Chín triệu năm trăm nghìn đồng).

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Võ C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ông Võ C đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002981 ngày 10/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 11/5/2023.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND huyện V;
- Chi cục THADS V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Ngân